

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 179/NQ-HĐND

Hạ Long, ngày 17 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị
thành phố Hạ Long đến năm 2040**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG
KHOÁ II - KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Kiến trúc năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 27/7/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị; Thông tư số 08/2021/TT-BXD ngày 02/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định chi phí lập và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Hạ Long đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 3895/2020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 13/04/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 01/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Hạ Long đến năm 2040; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Hạ Long đến năm 2040 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý, phát triển đô thị thành phố Hạ Long phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh và Quy hoạch chung thành phố Hạ Long. Xác định khu vực phát triển đô thị, danh mục dự án đầu tư làm cơ sở để huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị, tập trung vào nâng cao chất lượng đô thị, hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng xanh, thông minh, văn minh và bền vững.

- Chương trình phát triển đô thị Thành phố gắn với 4 trụ cột phát triển bền vững: Kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh; lấy vịnh Cửa Lục làm trung tâm kết nối, phát triển theo mô hình đa cực và phát triển về khu vực đồi núi phía Bắc. Phát triển đô thị trên khu vực có địa hình cao, khu vực sát mép biển phát triển du lịch dịch vụ.

- Xây dựng và phát triển Hạ Long thành đô thị du lịch quốc gia và quốc tế gắn với Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long; trung tâm dịch vụ, cảng biển, động lực phát triển kinh tế - xã hội Quảng Ninh gắn với vùng Đồng bằng Sông Hồng, tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối Việt Nam - Trung Quốc - ASEAN và Đông Bắc Á.

- Xây dựng các đề án phát triển đô thị xanh, thông minh, bền vững, thân thiện, thích ứng biến đổi khí hậu; chuyển đổi nhân lực chất lượng cao gắn với dịch chuyển chuỗi sản xuất, cung ứng và xu hướng trung lưu hóa trong tăng trưởng kinh tế - xã hội.

- Phát triển các dự án du lịch tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng và an dưỡng,

cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế. Đón đầu xu hướng già hóa dân số, xây dựng các bệnh viện, các khu nghỉ dưỡng lão thành dịch vụ chăm sóc, điều trị, bảo vệ sức khỏe.

2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cho thành phố Hạ Long. Hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Xác định danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn hàng năm, 05 năm phù hợp quy hoạch chung đô thị và định hướng cho 10 năm.

- Lập danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị gồm quy mô dự án, khái toán kinh phí thực hiện, dự kiến nguồn vốn và thời gian thực hiện làm cơ sở để bố trí nguồn vốn và huy động các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng.

- Đề xuất nhóm giải pháp và tổ chức thực hiện.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Về chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm

1.1. Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	Đến 2025	Đến 2030	Đến 2040
1	Dân số toàn đô thị	(1000 người)	481,6	518	650	830
2	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/km ²	450	480	580	740
3	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	Người/km ²	10.092	11.500	≥12.000	≥12.000
4	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thị	m ² /người	31,02	31,3	≥32	≥32
5	Diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /người	12,86	12,87	≥16	≥16
6	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	%	17,63	17,83	22	25

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	Đến 2025	Đến 2030	Đến 2040
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn	%	49,78	65	80	≥80
8	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có bề rộng mặt đường ≥14m)	Km/km ²	4,67	4,7	≥10	≥10
9	Nhà tang lễ	Cơ sở	1	2	3	4
10	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	1	2	≥4	≥4

1.2. Chỉ tiêu phát triển xã, phường

a. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã: Thực hiện sắp xếp phường Trần Hưng Đạo sát nhập với đơn vị hành chính cùng cấp liền kề trong giai đoạn này (phường Yết Kiêu) đảm bảo đúng quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b. Phương án phát triển, thành lập mới các phường: Phát triển mở rộng nội thành và thành lập thêm 02 phường là Lê Lợi và Thống Nhất (tập trung nguồn lực vào các dự án theo lộ trình của Thành phố để nâng cấp lên phường).

2. Về chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị

2.1. Chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị, cụ thể:

- Công trình, dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Thành phố.

- Dự án đề xuất theo quy hoạch: (1) Khung hạ tầng kỹ thuật: Giao thông và các hạ tầng đi theo (thoát nước mưa, cầu, cống...), cấp nước, cấp điện, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ; (2) Khung hạ tầng xã hội: Thương mại - dịch vụ - du lịch, giáo dục, y tế, văn hóa - thể dục thể thao, cây xanh, khoa học công nghệ, an sinh - xã hội, cụm, khu công nghiệp.

- Các dự án kêu gọi thu hút đầu tư; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: (1) Dự án kêu gọi thu hút đầu tư: Các dự án nhà ở; các dự án phát triển giáo dục ngoài công lập; các dự án công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ; lĩnh vực du lịch; lĩnh vực môi trường, lĩnh vực công nghệ, thông tin; (2) Dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: Các dự án dự kiến điều chỉnh thời gian thực hiện; các dự

án phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn trung hạn (dự án phê duyệt giai đoạn 2016 - 2020, phát sinh kiến nghị GPMB; các dự án đã điều chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư, khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025); các dự án Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách phường để bố trí vốn đầu tư xây dựng các công trình thực hiện theo Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Hạ Long; các dự án Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách xã đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn; (3) Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025: Các dự án nhà ở, khu đô thị, tái định cư, nhà ở xã hội triển khai trong năm 2024; các dự án nhà ở, khu đô thị dự kiến triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025; (4) Nhóm dự án đang triển khai, nhóm dự án dự kiến đầu tư, nhóm dự án kêu gọi đầu tư.

2.2. Khắc phục tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị loại I

Stt	Các tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định	Hiện trạng	Khối lượng thực hiện	
				Mức quy định cần đạt	Khối lượng cần xây dựng
1	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km ²) Tính đến đường có bề rộng lòng đường $\geq 14\text{m}$ (đô thị loại I)	≥ 10	4,67 km/km ²	8,00 km/km ²	154,14 km
		8			
2	Nhà tang lễ (cơ sở)	≥ 4	01 cơ sở	02 cơ sở	01 cơ sở
		2			
3	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	≥ 6	01 khu	04 khu	03 khu
		4			

2.3. Khắc phục các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực 02 xã dự kiến thành lập phường

- Đối với xã Thống Nhất

Stt	Các tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định	Xã Thống Nhất		Khối lượng thực hiện
			Hiện trạng	Đánh giá	Khối lượng
1	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	02 công trình theo quy chuẩn	02 chợ chưa đáp ứng tiêu chuẩn	Chưa đạt	Nâng cấp, cải tạo 02 chợ
2	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	$\geq 1,8$ m ² /người	1,64 m ² /người	Chưa đạt	1.500 m ² (mở rộng)
3	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	≥ 95 %	45,4 %	Chưa đạt	Chiếu sáng 13,6km TL.337 và TL.326
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	≥ 2 m ² /người	0,07 m ² /người	Chưa đạt	23.076 m ²
5	Mật độ đường cống thoát nước chính	≥ 4 km/km ²	2,91 km/km ²	Chưa đạt	11 km

- Đối với xã Lê Lợi

Stt	Các tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định	Xã Lê Lợi		Khối lượng thực hiện
			Hiện trạng	Đánh giá	Khối lượng
1	Trạm y tế	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01 Trạm y tế chưa đạt tiêu chuẩn	Chưa đạt	Nâng cấp, cải tạo Trạm y tế đạt chuẩn
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm,	02 công trình theo quy chuẩn	01 chợ tạm	Chưa đạt	Nâng cấp, cải tạo 01 chợ, huy động xã

Stt	Các tiêu chuẩn đánh giá	Mức quy định	Xã Lê Lợi		Khối lượng thực hiện
			Hiện trạng	Đánh giá	Khối lượng
	siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)				hội hóa 01 công trình thương mại
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	≥ 2 m ² /người	1,01 m ² /người	Chưa đạt	7.128 m ²
4	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	$\geq 95 \%$	91,5 %	Chưa đạt	Chiếu sáng 1,0km đường (tương ứng khoảng 5%)

3. Về các chương trình, kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị, các khu vực phát triển đô thị

3.1. Danh mục các khu vực: 18 khu vực phân khu theo Quy hoạch chung thành phố Hạ Long đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/02/2023.

3.2. Lộ trình triển khai các khu vực theo quy hoạch chung đô thị

a. Giai đoạn 1 (đến năm 2025)

- Triển khai rà soát để điều chỉnh hoặc lập mới tất cả các quy hoạch phân khu làm cơ sở quản lý quy hoạch, phát triển đô thị; xây dựng hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại I.

- Triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng khung đô thị; hoàn thiện các tuyến trục giao thông chính của đô thị và nút giao nối với đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, tiếp tục triển khai chuẩn bị đầu tư các dự án đường nối cầu Cửa Lục 1 và cầu Cửa Lục 3, đường vành đai ven Vịnh Cửa Lục. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Cái Lân, đoạn đi qua địa bàn thành phố Hạ Long; thu hút đầu tư bến xe khách phía Tây và phía Đông thành phố.

- Xây dựng các dự án ứng phó biến đổi khí hậu như: Bổ sung hệ thống hạ tầng thoát nước, kè chống sạt lở, khắc phục các điểm ngập lụt trong đô thị, nâng cấp các tuyến đê kè ven biển nhằm ứng phó với các hiện tượng, kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Khởi động và hoàn thiện các đề án, dự án để phát triển đô thị xanh: Hoàn thiện sớm hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; khôi phục hệ thống

sinh thái ven biển (đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn); nghiên cứu quy hoạch thiết kế chỉnh trang hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh các tuyến đường; đánh giá nghiên cứu hệ thống chiếu sáng và tiết kiệm năng lượng; phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe cá nhân.

- Khởi động các đề án, dự án phát triển đô thị thông minh: Hệ thống thông minh kiểm soát nguồn năng lượng điện chiếu sáng; hệ thống điều tiết giao thông; hệ thống cảnh báo môi trường biến đổi khí hậu; hệ thống hướng dẫn khách du lịch; cứu hộ cứu nạn và tìm kiếm; hệ thống quản lý các hoạt động trên vịnh Hạ Long.

- Triển khai lập các dự án về phát triển công nghiệp công nghệ cao, đẩy mạnh lập các cảng hàng hóa để chuyển đổi là đầu mối vận tải trao đổi hàng hóa cho vùng, để Hạ Long là thành phố của công nghệ và logistics; các dự án khu thương mại, trung tâm tài chính để thu hút và phát huy nguồn tài chính và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng hạ tầng du lịch của các khu du lịch đang triển khai tại Bãi Cháy, Hùng Thắng, Tuần Châu. Triển khai xây dựng nhà tang lễ tại phường Cao Xanh. Ưu tiên phát triển các khu chức năng thiết yếu và các khu có tính chất động lực của đô thị như: Hoàn thiện khu tổ hợp Công viên Đại dương Sun World, khu du lịch quốc tế Tuần Châu; khu phức hợp Hạ Long Xanh (tại thành phố Hạ Long); tuyến cáp treo và khu dịch vụ tại Cụm di tích lịch sử văn hóa chùa Lôi Âm; khu công nghiệp Việt Hưng; các khu du lịch nghỉ dưỡng trong rừng và du lịch mạo hiểm.

- Cải tạo chỉnh trang, hoàn thiện chất lượng kết cấu hạ tầng khu vực các phường trung tâm của thành phố, hạ ngầm hệ thống cáp quang, cáp điện ở các khu vực này.

b. Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030)

- Hoàn thành xây dựng hạ tầng các khu vực sản xuất như công nghiệp, khu du lịch, thương mại dịch vụ, khoa học công nghệ, tiếp tục triển khai các khu đô thị mới, khu du lịch sinh thái, khu nhà ở chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của cư dân đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng đô thị.

- Thực hiện xây dựng hoàn thiện các đề án về đô thị xanh (đặc biệt các dự án về du lịch, đô thị hoặc tổ hợp đạt tiêu chí xanh); đô thị thông minh; về ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững.

- Khởi động các dự án về năng lượng tái tạo; đề án phát triển và bảo tồn thiên nhiên cũng như các di tích, di chỉ khảo cổ của Thành phố.

- Lựa chọn các nhà đầu tư để sản xuất công nghệ cao, công nghệ sạch, ít ảnh hưởng đến môi trường sinh thái; tiếp tục phát triển hệ thống cảng hàng hóa; xây dựng các trung tâm thương mại tài chính để tăng sự dịch chuyển về chuỗi cung ứng và chuỗi sản xuất.

- Lập các dự án và thực hiện xây dựng hệ thống giao thông công cộng, giao thông xanh. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đoạn đi qua thành phố Hạ Long (tuyến

Hải Phòng - Hạ Long, điểm cuối tại phường Việt Hưng). Định hướng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư và các công trình công cộng hiện hữu, hoàn thiện các tuyến đường theo quy hoạch được duyệt, bổ sung tiện ích công cộng, cây xanh, bãi đỗ xe. Phát triển hệ thống giao thông đa phương thức (tàu điện, xe bus, xe điện... và hệ thống giao thông đường thủy).

- Nâng cao chất lượng không gian ven biển, không gian công cộng và dịch vụ công cộng ven biển; mở rộng đô thị về phía Đông (Hạ Phong), phía Tây (Đại Yên) và mở rộng kết nối về phía Bắc vịnh Cửa Lục.

- Tiếp tục thực hiện cải tạo chỉnh trang các khu vực trung tâm hiện hữu, phát triển hệ thống giao thông kết nối như: đường sắt đô thị, giao thông công cộng và giao thông thủy; phát triển đô thị hướng tới tiêu chuẩn quốc tế, cơ sở hạ tầng được thiết kế đảm bảo phục vụ đô thị và hoạt động du lịch dịch vụ.

- Huy động các nguồn lực ngoài nhà nước nhằm triển khai các khu du lịch mới như: Tổ hợp dịch vụ du lịch cao cấp Hoàn Bồ, phát huy các giá trị di tích thắng cảnh, văn hóa lịch sử tại các phường Hoàn Bồ, Lê Lợi, Thống Nhất; tổ hợp dịch vụ thương mại tại các phường Hoàn Bồ, Lê Lợi, Thống Nhất; trung tâm thể thao khu vực và công viên chuyên đề, sinh thái tại khu vực Hoàn Bồ, Thống Nhất; đồng thời, phát triển dần các dự án du lịch cho các xã phía Bắc nhằm tận dụng tối đa khai thác tiềm năng du lịch khu vực này để kết nối tuyến du lịch vịnh Hạ Long và quy hoạch khai thác các mỏ than đã hoàn nguyên để trở thành điểm du lịch hấp dẫn mới lạ.

c. Giai đoạn 3 (từ năm 2031 đến năm 2040)

- Phát triển bền vững với tổ chức không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp; hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng đảm bảo kết nối thuận tiện với các vùng, lãnh thổ trong cả nước và quốc tế; phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, bền vững về môi trường sinh thái; quốc phòng an ninh được bảo đảm.

- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. (sử dụng các năng lượng tái tạo, sử dụng các vật liệu thông minh...).

- Nghiên cứu phát triển Hạ Long là trung tâm tài chính, khoa học công nghệ, vận tải cho cả vùng và là nơi có nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục phát huy và bảo tồn hệ thống sinh thái vịnh Hạ Long, sinh thái rừng, các công trình văn hóa, di tích để phát triển.

- Tiếp tục cải tạo các khu dân cư hiện hữu, quan tâm để công tác giảm ngập úng ở những khu vực trung tâm cũ.

- Tiếp tục phối hợp xây dựng tuyến đường sắt Hạ Long - Móng Cái và tuyến đường sắt đô thị (monorail) liên kết Cẩm Phả - Hạ Long - Quảng Yên và tuyến Hòn Gai - Bãi Cháy - Bắc vịnh Cửa Lục - Hòn Gai. Mở rộng kết nối ra các khu vực lân cận như Uông Bí, Quảng Yên, Cẩm Phả để tạo không gian phát triển hài hòa, dựa trên nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị vịnh Hạ Long.

- Triển khai tái thiết đối với các khu vực như Cái Lân, cụm công nghiệp Hoàn Bồ, nhà máy xi măng Thăng Long, nhà máy xi măng Hạ Long, khai trường khai thác than, cơ sở sản xuất để tạo các công trình dịch vụ đô thị, công viên đô thị và bổ sung không gian phát triển cho thành phố Hạ Long.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp, cải tạo hệ thống trường học và hệ thống y tế theo tốc độ phát triển dân số, phát triển đô thị. Triển khai xây dựng bệnh viện Quốc tế Hạ Long ở khu vực phía Bắc Vịnh Cửa Lục, nhằm thúc đẩy thêm chức năng an dưỡng, dưỡng lão.

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch đô thị, nâng cấp mở rộng quy mô công suất của các nhà máy cấp nước, thoát nước xử lý nước thải, các trạm biến áp, hệ thống viễn thông theo sự phát triển của dân số đô thị.

4. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị: (1) Đề án xây dựng đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030; (2) Đề án tăng cường hiệu quả sử dụng điện, khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; (3) Đề án phát triển cây xanh đô thị thành phố Hạ Long; (4) Đề án phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe cá nhân; (5) Đề án nâng cao năng lực thu gom xử lý và phân loại chất thải rắn đô thị tại nguồn; (6) Đề án phát triển và bảo tồn bền vững Vịnh Hạ Long, khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng; (7) Đề án ứng dụng công nghệ mới, sử dụng vật liệu bền vững có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu; (8) Đề án chống ngập úng đô thị và giải pháp thích nghi với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; (9) Đề án phát triển công trình xanh và khu đô thị sinh thái; (10) Đề án hoàn nguyên, khôi phục các khu mỏ để phát triển du lịch; (11) Đề án bảo tồn rừng ngập mặn, phát triển kinh tế rừng, trung hòa khí CO₂; (12) Đề án bảo tồn và phát huy các di tích, di chỉ khảo cổ học thành phố Hạ Long phục vụ du lịch.

5. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, giải pháp, danh mục ưu tiên các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

5.1. Các giải pháp

- Giải pháp phát triển đô thị thông minh: Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông cho phát triển đô thị thông minh; an toàn và an ninh xã hội (camera giám sát trong đô thị thông minh); hệ thống quản lý, điều hành thông tin kế hoạch - tài chính; phát triển giáo dục - y tế - du lịch thông minh.

- Giải pháp phát triển đô thị xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu: Giảm tỷ lệ chi sử dụng điện so với tổng chỉ tiêu; phát triển và sử dụng hệ thống thiết bị điện, chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, kết hợp với các công nghệ vận hành thông minh; từng bước sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cho hoạt động của đô thị. Giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch; tăng cường thu gom, tái sử dụng đối với các hoạt động dùng nước không đòi hỏi chất lượng nước sạch cao. Tăng diện tích mặt nước trong đô thị. Tăng diện tích cây xanh trong đô thị; tận dụng tối đa các khoảng trống, bề mặt ngang, bề mặt đứng cho việc trồng cây xanh. Triển khai đề án tăng tỷ lệ sử dụng giao thông công cộng, xe điện, xe đạp và tạo không gian cho hoạt động giao thông đi bộ; hạn chế tối đa phương tiện giao thông cá nhân;

xả thải và gây tiếng ồn của các phương tiện giao thông; hệ thống vỉa hè, bãi đỗ xe tăng cường các giải pháp thấm nước, không bê tông hoá bề mặt. Tăng cường thu gom xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn; sử dụng biện pháp phân tán, ưu tiên xử lý tại nguồn, đảm bảo hoạt động theo từng khu vực, xử lý toàn bộ chất thải, nước thải, không cho xả thải trực tiếp ra môi trường; hạn chế các nguồn thải, thực hiện các biện pháp quản lý, quy định để hạn chế người dân và du khách sử dụng các vật liệu có nguy cơ đối với môi trường, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân và cộng đồng. Triển khai đề án ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

- Giải pháp về huy động vốn: Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng như vỉa hè trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Phát triển kinh tế dịch vụ, các ngành công nghiệp chế tạo tiên tiến và có tính chiến lược, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao...; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; khuyến khích hợp tác, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của địa phương. Tập trung nguồn lực trong và ngoài ngân sách, ưu tiên hình thành hệ thống hệ thống giao thông kết nối các đô thị theo Quy hoạch giao thông của Tỉnh, Thành phố; phát triển hạ tầng các khu chức năng của khu vực trung tâm đô thị. Huy động các nguồn vốn khác phát triển một số khu đô thị mới, trung tâm thương mại, giáo dục, đào tạo nghề tại khu vực lõi đô thị; đối với hạ tầng xã hội, ngoài vốn ngân sách tỉnh, thành phố, đẩy mạnh huy động vốn xã hội hóa cho lĩnh vực y tế, nhà ở, giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, sử dụng nguồn vốn ODA, FDI, vốn doanh nghiệp bằng các phương thức BOT, BT, PPP... đối với các dự án kết cấu hạ tầng thuộc Chương trình (giao thông vùng, giao thông đô thị, nước và vệ sinh môi trường, các dự án nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống) và các dự án phát triển du lịch. Phát huy nguồn vốn xã hội hóa đối với các dự án hạ tầng xã hội để tăng cường chất lượng cuộc sống; vận động nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực vào phát triển hạ tầng đô thị; tạo quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng, trồng và chăm sóc cây xanh ở nơi cư trú.

- Giải pháp về công nghệ thông tin và cải cách hành chính: Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ; cung cấp thông tin phục vụ cơ quan nhà nước, cá nhân, doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành và trao đổi thông tin; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số, từng bước thay thế văn bản giấy trong quản lý, điều hành và trao đổi thông tin. Tăng cường sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin; đẩy nhanh việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đồng thời số hóa những nguồn thông tin chưa ở dạng số nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, phục vụ quản lý, nghiên cứu và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc.

- Giải pháp về công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Phối hợp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao theo hướng tăng tỷ lệ trạm 4G theo hướng là hạ tầng chủ đạo, đẩy mạnh phát triển hạ tầng mạng 5G trên địa bàn Thành phố; triển khai hạ tầng mạng kết nối và phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) để triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu (giao thông, năng lượng, môi trường, điện, nước...); xây dựng, mở rộng mạng lưới các thiết bị/loại cảm biến thu thập dữ liệu IoT theo các ngành, lĩnh vực và dịch vụ đô thị thông minh. Đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới, làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, sinh học, cơ điện tử, tự động hóa, nông, lâm, thủy sản. Ứng dụng công nghệ vật liệu mới, thiết bị mới, công nghệ tiên tiến trong thiết kế, thi công và bảo vệ các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Triển khai cổng dữ liệu mở, tạo lập và cung cấp/công bố dữ liệu mở của Thành phố trên môi trường số qua cổng dữ liệu mở để các cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp có thể truy cập, khai thác, sử dụng. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn Thành phố; chuẩn hóa, điện tử hóa các quy trình hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường số, xây dựng nền hành chính hiện đại hơn, nhanh gọn và hiệu quả hơn. Ứng dụng công nghệ số để chuyển đổi mô hình kinh doanh và thiết lập môi trường kinh doanh cạnh tranh, lành mạnh. Đột phá phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số; thu hút các công ty công nghệ số chuyển địa điểm hoạt động, cơ sở sản xuất về Hạ Long. Xây dựng các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh qua nhiều kênh giao tiếp, tạo môi trường thuận lợi để giúp người dân, doanh nghiệp có thể lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu. Triển khai đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin theo định kỳ và các xu hướng phát triển của công nghệ để làm chủ thiết bị, hệ thống, nền tảng số dùng chung.

5.2. Tổng nhu cầu vốn giai đoạn từ nay đến năm 2040 là 438.920,33 tỷ đồng; trong đó: (1) Ngân sách trung ương: 43.785,9 tỷ đồng; (2) Ngân sách Tỉnh: 25.909,5 tỷ đồng; (3) Ngân sách Thành phố: 149.816,57 tỷ đồng; (4) Nguồn vốn thu hút đầu tư: 219.408,36 tỷ đồng.

5.3. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển đô thị: (1) Các dự án nhằm hoàn thiện tiêu chí của đô thị loại I; (2) Các dự án hoàn thiện các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng khu vực dự kiến thành lập các phường; (3) Các dự án ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị.

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Hoàn thiện thủ tục hồ sơ, trình Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Hạ Long đến năm 2040 đảm bảo phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với các sở, ngành của Tỉnh tăng cường công tác quản lý, đảm bảo sử dụng đúng và có hiệu quả nguồn lực cho phát triển đô thị nói chung và phát triển hệ thống dịch vụ xã hội nói riêng nhằm thực hiện các mục tiêu phát

triển đô thị cho thành phố Hạ Long; đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo cải thiện không ngừng đời sống Nhân dân theo nội dung Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu, kết quả báo cáo của các cơ quan chức năng và các nội dung trình Hội đồng nhân dân thành phố (nhất là thông tin về các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị, các khu đô thị mới, dự án công trình hạ tầng giao thông, văn hóa xã hội mới; vị trí, diện tích, ranh giới, hiện trạng đô thị... đảm bảo sự thống nhất giữa hồ sơ và thực địa, phù hợp với chỉ tiêu đô thị, đất ở, nhà ở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng các loại đất... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Trong các bước tiếp theo của chương trình cần tập trung chỉ đạo, rà soát, kiểm tra kỹ, hoàn thiện bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với quy định.

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố công bố, công khai chương trình và xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị thành phố Hạ Long đến năm 2040. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền tới cộng đồng dân cư trên địa bàn để vận động sự ủng hộ thực hiện chương trình đạt hiệu quả cao. Định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị đã được duyệt theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu, nội dung Chương trình đô thị có thay đổi so với Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổng hợp nội dung thay đổi báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long khoá II, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- TT. Thành uỷ Hạ Long (báo cáo);
- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh;
- TT. HĐND, UBND thành phố;
- Các Ban Xây dựng Đảng thành uỷ;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố khoá II;
- Khối MTTQ và các tổ chức CT-XH thành phố;
- Các phòng, ban đơn vị thành phố;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTXH.



CHỦ TỊCH

Vũ Thị Mai Anh